

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ XÉT TUYỂN VÒNG 2

(Đính kèm Thông báo số 193/TB-HĐXT ngày 30/03/2020 của Hội đồng Xét tuyển viên chức Bệnh viện Nhi Đồng 1)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
I	Vị trí: Bác sĩ hạng III (Chỉ tiêu: 91)													
1	Biện Thị Bích Ngọc		10/10/1991	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
2	Bùi Lâm Ái Phương	20/10/1993		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 825	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
3	Cao Khánh Linh		06/01/1993	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B2	B	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
4	Châu Ngọc Hiệp	27/02/1991		Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
5	Cù Phan Mộng Hiền		02/09/1993	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 525	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
6	Đặng Nguyễn Quỳnh Như		19/03/1994	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 615	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Bình Dương	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
7	Đặng Thế Phương	20/07/1985		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
8	Đỗ Minh Hùng	07/05/1989		Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh-Bậc 4	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
9	Đoàn Bảo Duy	13/12/1993		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 790	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Cần Thơ	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
10	Dương Minh Toàn	29/10/1988		Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Anh - C	B	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
11	Hồ Trung Cường	30/06/1992		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B	A	Không	Không	Bình Định	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
12	Hứa Tấn An	15/09/1994		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 495	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Kiên Giang	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
13	Huỳnh Nguyễn Minh Thu		11/12/1995	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
14	Huỳnh Thị Thúy Anh		03/03/1993	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - Bậc 3	Ứng dụng CNTT	Giấy xác nhận thực hành lâm sàng nội - nhi	Không	An Giang	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
15	Kiều Thị Kim Hương		25/10/1985	Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - B	A	CC hành nghề Y	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
16	Lê Hoàng Phương		04/01/1990	Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - Bậc 2	A	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
17	Lê Minh Cường	28/05/1991		Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - A2	A	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
18	Lê Minh Triết	26/09/1992		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - Bậc 5	Ứng dụng CNTT	Sơ bộ Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
19	Lê Phước Huy	27/11/1994		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh- B2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
20	Lê Thị Thanh Tâm		20/12/1986	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
21	Lê Trọng Nghĩa	05/10/1991		Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - B	A	CC hành nghề	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
22	Lương Việt Quang	22/11/1994		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 665	Ứng dụng CNTTNC	CC siêu âm tim mạch	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
23	Mai Chi Lan		05/10/1987	Chuyên khoa 1	Răng Hàm Mặt	Anh - Bậc 2	A	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
24	Mai Hoàng Linh Sa		28/12/1983	Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Anh - B	Ứng dụng CNTTCB	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
25	Mai Thị Kim Hạnh		06/06/1994	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B1	Ứng dụng CNTTCB	Không	Không	Quảng Nam	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
26	Nguyễn Trần Quý Khoa	04/04/1993		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 865	Ứng dụng CNTTCB	Pháp - B2	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
27	Nguyễn Đoàn Thu Hương		22/03/1993	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 525	Ứng dụng CNTTCB	CC hành nghề	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
28	Nguyễn Hà Giang		11/01/1990	Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - C	B	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
29	Nguyễn Hoàng Phùng Hà		14/10/1989	Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - B	B	CC hành nghề Y	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
30	Nguyễn Hoàng Thạch	16/12/1990		Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Anh - Bậc 2	B	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
31	Nguyễn Hữu Bảo Hân		17/09/1990	Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Pháp - B1	A	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
32	Nguyễn Lê Anh Tú	21/04/1990		Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - B	B	CC hành nghề Y	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
33	Nguyễn Minh Trí	30/10/1991		Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - B2	B	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
34	Nguyễn Ngọc Phúc	01/11/1991		Thạc sĩ	Nhi khoa	Toeic 780	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
35	Nguyễn Ngọc Tường Vy		13/10/1995	Đại học	Bác sĩ đa khoa	IELTS 5.5	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Tiền Giang	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
36	Nguyễn Thị Hoài Vy		19/01/1994	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B1	B	Không	Dân tộc Mường	Đắk Lắk	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
37	Nguyễn Quang Phát	13/11/1994		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B1	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Phú Yên	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
38	Nguyễn Quỳnh Anh		29/11/1995	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 955	Ứng dụng CNTT	Pháp - B2	Không	Hải Dương	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
39	Nguyễn Thị Thái Phiên		31/03/1979	Chuyên khoa 2	Nhi khoa	Anh - B	A	Không	Không	An Giang	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
40	Nguyễn Thị Thủy Tiên		15/04/1992	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B	A	Không	Không	Quảng Ngãi	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
41	Nguyễn Thị Tố Thiên		23/04/1994	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 510	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Tây Ninh	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
42	Nguyễn Tiến Khoa	17/11/1993		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh-Bậc 4	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
43	Nguyễn Trọng Nhân	06/12/1994		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
44	Nguyễn Vũ Nhật Linh		17/06/1992	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B	A	Không	Không	Gia Lai	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
45	Nguyễn Xuân Kim	18/05/1993		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 825	Ứng dụng CNTT	CC hành nghề	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
46	Nhâm Bá Duy	01/07/1992		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - C	Ứng dụng CNTT	Không	Dân tộc Hoa	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
47	Nhâm Hải Hoàng	11/10/1990		Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Toeic 450	A	CC hành nghề	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
48	Phạm Hoàng Thành	31/07/1989		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B1	B	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
49	Phạm Thị Thanh Hằng		29/10/1992	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B	A	CC hành nghề Y	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
50	Phạm Thị Thu Thùy		06/01/1995	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Lâm Đồng	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
51	Phạm Trung Tiến	20/04/1989		Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Anh - B2	A	CC hành nghề Y	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
52	Phan Võ Hạnh Nguyên		03/09/1994	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Khánh Hòa	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
53	Tạ Hoàng Hồng Phượng		05/11/1994	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Ninh Thuận	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
54	Tào Thị Hoàng Uyên		15/11/1990	Chuyên khoa I	Nhi khoa	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Quảng Nam	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
55	Thái Ngọc Thành Đạt	06/06/1994		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 915	B	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
56	Thiều Quang Đức	12/07/1994		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B1	Ứng dụng CNTT	Không	Con thương binh 4/4	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
57	Tô Vũ Thiên Hương		05/01/1988	Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Anh - C	Ứng dụng CNTT	CC hành nghề Y	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
58	Trần An Hải Đăng	04/04/1993		Đại học	Bác sĩ đa khoa	IELTS 7.5	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
59	Trần Anh Duy	27/11/1993		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
60	Trần Kim Phú	13/10/1993		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toeic 640	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Bà Rịa Vũng Tàu	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
61	Trần Minh Dung		25/09/1990	Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Anh - Bậc 3	A	Không	Không	TP. Đà Nẵng	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
62	Trần Minh Tấn	27/04/1971		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - C	B	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
63	Trần Thị Thúy		07/05/1995	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Thanh Hóa	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
64	Trần Thị Thúy Hằng		11/11/1993	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
65	Trần Uy Phong	22/09/1982		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B1	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
66	Trang Thị Hoàng Mai		05/12/1991	Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh- C1	B	hành nghề	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
67	Triệu Thị Thanh Hằng		03/10/1994	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - B2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Lâm Đồng	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
68	Trịnh Kiên	27/08/1987		Thạc sĩ	Chấn thương chỉnh hình ngoại khoa	Anh - B	Ứng dụng CNTT	CC hành nghề Y; Pháp - B1	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
69	Trương Ánh Linh		23/10/1993	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Anh - Bậc 4	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
70	Trương Thị Mỹ Hoa		12/12/1994	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toecic 695	B	Không	Không	Bà Rịa Vũng Tàu	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
71	Văn Thế Duy	08/07/1991		Thạc sĩ	Nhi khoa	Anh - Bậc 3	Ứng dụng CNTT	Không	Dân tộc Hoa	Bạc Liêu	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
72	Văn Thị Bích Hương		11/12/1982	Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
73	Võ Quốc Chuyển	06/12/1991		Chuyên khoa 1	Nhi khoa	Anh - B2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Tiền Giang	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
74	Võ Quốc Thắng	21/12/1988		Đại học	Bác sĩ đa khoa	Toefl ITP 390	Ứng dụng CNTT	CC hành nghề Y	Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
75	Vũ Bảo Sơn	04/03/1992		Đại học	Bác sĩ đa khoa	IELTS 6.5	Ứng dụng CNTT		Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
76	Vũ Thị Hoa Đào		01/03/1981	Chuyên khoa 1	Bác sĩ đa khoa	Anh - B	Ứng dụng CNTT		Không	TP.HCM	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt
II	Vị trí: Điều dưỡng hạng III (Chỉ tiêu: 66)													
1	Ao Việt Mỹ Phương		12/08/1995	Đại học	Điều dưỡng	Anh-Bậc 2	Ứng dụng CNTT		Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
2	Bùi Thị Phương Anh		26/12/1995	Đại học	Điều dưỡng	Toeic 400	Ứng dụng CNTT		Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
3	Châu Sơn Tùng	01/01/1992		Đại học	Điều dưỡng	Anh - A2	Ứng dụng CNTT		Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
4	Đoàn Thị Thủy Hằng		28/10/1994	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT		Không	Đồng Tháp	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
5	Hồ Thị Ngọc Anh		14/10/1995	Đại học	Điều dưỡng	Toeic 425	Ứng dụng CNTT		Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
6	Huỳnh Thanh Trúc Đào		19/02/1996	Đại học	Điều dưỡng	Toeic 510	Ứng dụng CNTT		Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
7	Huỳnh Thanh Trúc Mai		19/2/1996	Đại học	Điều dưỡng	Toeic 500	Ứng dụng CNTT		Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
8	Lê Băng Thu		28/11/1994	Đại học	Điều dưỡng	Anh -B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Vĩnh Long	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
9	Lê Thị Thu Trang		04/11/1984	Đại học	Điều dưỡng	IELTS 5.0	B	Chứng chỉ kiểm soát nhiễm khuẩn	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
10	Lê Thị Trâm		14/08/1993	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B	B	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
11	Lương Sương Phê		11/04/1994	Đại học	Điều dưỡng	Anh - A2	B	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
12	Nguyễn Đức Lân	21/04/1995		Đại học	Điều dưỡng	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
13	Nguyễn Thị Hạnh		04/06/1986	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
14	Nguyễn Thị Ngọc		24/11/1992	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B	B	Không	Không	Quảng Ngãi	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
15	Phạm Ngọc Bích Anh		19/7/1994	Đại học	Điều dưỡng	Anh - A2	B	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
16	Phạm Thị Hiền		29/04/1994	Đại học	Điều dưỡng	Toeic 445	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Đắk Lắk	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
17	Phạm Thúy Hằng		05/11/1988	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
18	Trần Thị Phi Phụng		16/04/1990	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B1	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
19	Trần Thị Xuân Thủy		30/12/1994	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B	B	CC hành nghề	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
20	Trần Xuân Mai		07/01/1995	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
21	Trương Thị Hiền		29/08/1989	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
22	Văn Thị Xuân Hiền		22/11/1992	Đại học	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt
III	Vị trí: Điều dưỡng hạng IV (Chỉ tiêu: 77)													
1	Cao Thị Cẩm Giang		14/06/1990	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh- C	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
2	Đặng Thị Thùy Duyên		29/06/1998	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Phú Yên	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
3	Đinh Thị Hạnh		22/12/1982	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
4	Giản Thị Kim Ánh		31/05/1995	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
5	Hồ Thị Hồng Hà		13/03/1995	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	A	CC hành nghề	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
6	Hồ Thị Mỹ Lệ		20/04/1992	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
7	Huỳnh Thị Ngọc Giàu		01/06/1994	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - A	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
8	Huỳnh Thị Ngọc Hiền		13/04/1994	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
9	Huỳnh Thị Thu Vân		17/04/1985	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
10	Huỳnh Thị Xê		07/09/1990	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - A2	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
11	Lê Hoàng Ngọc Hân		01/10/1995	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	B	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
12	Lê Nguyễn Thùy Dương		18/10/1993	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
13	Lê Thị Ái Tú		13/02/1994	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	B	Không	Không	Tiền Giang	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
14	Lê Thị Bích Ngọc		20/01/1989	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - A2	B	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
15	Lê Thùy An		07/02/1992	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
16	Lý Ngọc Ánh		16/07/1985	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	CC hành nghề	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
17	Nah Ria Nai Hy		15/03/1986	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Dân tộc Churu	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
18	Nguyễn Kiều Mi Sa		16/08/1992	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
19	Nguyễn Lê Thị Thanh Thúy		01/02/1991	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
20	Nguyễn Thị Á Tiên		01/02/1996	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
21	Nguyễn Thị Cẩm Tú		08/12/1988	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
22	Nguyễn Thị Hải		21/10/1995	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - Bậc 2	A	Không	Không	Huế	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
23	Nguyễn Thị Hương Lan		18/12/1991	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Bình Dương	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
24	Nguyễn Thị Kim Anh		27/03/1993	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
25	Nguyễn Thị Kim Thanh		29/07/1996	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	B	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
26	Nguyễn Thị Mỹ Linh		26/09/1987	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	Kỹ thuật viên Tin học	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
27	Nguyễn Thị Phương Hiếu		29/07/1986	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
28	Nguyễn Thị Phương Nhi		09/04/1993	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
29	Nguyễn Thị Phương Thảo		17/05/1990	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - A2	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
30	Nguyễn Thị Thanh Trúc		17/12/1992	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
31	Nguyễn Thị Thùy		02/10/1986	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
32	Nguyễn Thị Tiền		08/02/1996	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Quảng Ngãi	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
33	Phạm Bảo Anh	27/05/1993		Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
34	Phạm Thị Bích Diễm		11/02/1993	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
35	Phạm Thị Kim Ngân		08/09/1992	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
36	Phạm Thị Thúy Uyên		05/08/1993	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - Bậc 2	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
37	Phan Quỳnh Tố Ngân		09/01/1996	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	CC hành nghề	Không	Phú Yên	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
38	Thái Quế Anh		02/04/1979	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
39	Thái Tuấn Phú	09/05/1989		Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
40	Trương Mỹ Anh		11/05/1993	Cao đẳng	Điều dưỡng	Anh - B	A	CC hành nghề	Dân tộc Hoa	TP.HCM	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
41	Võ Thị Hồng Gấm		01/01/1995	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh - A	A	Không	Không	Vĩnh Long	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đạt
IV	Vị trí: Kỹ thuật Y hạng III													
A	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu - PHCN (Chỉ tiêu: 03)													
1	Huỳnh Thị Tam Nguyên		29/07/1996	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Quảng Ngãi	KTV Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
B	Kỹ thuật viên xét nghiệm (Chỉ tiêu: 15)													
1	Dương Thị Thùy Trang		21/04/1996	Đại học	Xét nghiệm y học	Anh - Bậc 3	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
2	Hoàng Thị Anh Ngọc		01/08/1996	Đại học	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Toeic 435	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Bình Thuận	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
3	Lâm Hoàng Anh	18/10/1988		Đại học	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Anh - B1	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
4	Lê Thị Thanh Tuyền		21/11/1994	Đại học	Xét nghiệm y học	Anh - B	A		Không	An Giang	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
5	Lý Lệ Châu		30/11/1995	Đại học	Xét nghiệm y học	Anh - Bậc 2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
6	Nguyễn Hoàng Phương	13/04/1995		Đại học	Xét nghiệm y học	Anh - Bậc 3	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
7	Nguyễn Thị Hồng Thắm		28/11/1995	Đại học	Xét nghiệm y học	Anh - B	Ứng dụng CNTT	CC hành nghề Y, CC an toàn sinh học cấp II	Không	Đăk Lăk	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
8	Nguyễn Thị Thảo		05/05/1996	Đại học	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Toeic 455	Ứng ụng CNTT	Không	Không	Lâm Đồng	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
9	Nguyễn Thị Thủy Tiên		09/05/1991	Đại học	Xét nghiệm y học	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
10	Trần Công Dũng	20/10/1994		Đại học	Xét nghiệm y học	Anh - B	Ứng ụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
11	Võ Nguyễn Hoàng Nhân		01/03/1994	Đại học	Xét nghiệm y học	Anh - B	A	Không	Không	Trà Vinh	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
C	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh X quang (Chỉ tiêu: 03)													
1	Bạch Lê Thúy Ngân		24/03/1996	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Toeic 595	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
2	Phạm Thị Linh Phương		07/01/1996	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Anh-Bậc 2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Gia Lai	KTV Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	KTY hạng III	V.08.07.18	Đạt
V	Vị trí: Kỹ thuật Y hạng IV													

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
A	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh X quang (Chỉ tiêu: 04)													
1	Đào Trọng Kiên	01/04/1992		Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh	Anh - B	B	Không	Không	Bình Định	KTV Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.18	Đạt
2	Nguyễn Hoàng Việt	21/08/1992		Trung cấp	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Anh- A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.18	Đạt
3	Nguyễn Trần Khang		25/05/1992	Trung cấp	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Anh- A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.18	Đạt
4	Trần Hoàng Thạch	27/11/1995		Trung cấp	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Anh- A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV Chẩn đoán hình ảnh (X quang)	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.18	Đạt
B	Kỹ thuật viên xét nghiệm (Chỉ tiêu: 06)													
1	Huỳnh Tấn Dũng	31/10/1986		Trung cấp	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Anh - Bạc 3	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.18	Đạt
2	Nguyễn Quốc Việt	12/02/1995		Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.18	Đạt
3	Phạm Thị Diệu Hiền		16/06/1992	Trung cấp	Xét nghiệm	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.18	Đạt
4	Thái Thùy Dương		28/12/1994	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Anh - A	B	Không	Không	Trà Vinh	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.18	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
5	Trần Thị Thúy Triều		27/05/1995	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Anh - B	B	Không	Không	Quảng Nam	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.18	Đạt
VI	Vị trí: Dược lâm sàng (Chỉ tiêu: 09)													
1	Bùi Thị Tổ Như		01/10/1995	Đại học	Dược	Pháp - B1	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Bình Phước	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
2	Bùi Thị Tổ Trinh		15/01/1996	Đại học	Dược	Toeic 545	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Bình Dương	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
3	Bùi Thị Yến Linh		18/10/1996	Đại học	Dược sĩ	Toeic 435	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Long An	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
4	Hà Lâm Thương		22/05/1996	Đại học	Dược sĩ	Toeic 480	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
5	Huỳnh Thị Cẩm Tú		10/10/1985	Đại học	Dược	Anh - C	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
6	Lê Hữu Bảo Trân		12/03/1993	Đại học	Dược	Anh - B	B	CC hành nghề	Không	Bà Rịa Vũng Tàu	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
7	Lê Thị Lưu Dung		02/01/1982	Đại học	Dược	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
8	Lê Thị Thu Hoa		1987	Đại học	Dược	Anh - B	A	Không	Không	Đồng Tháp	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
9	Nguyễn Hương Thảo		17/09/1994	Đại học	Dược	Toeic 545	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Đắk Lắk	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
10	Nguyễn Phan Nhật Linh		21/06/1994	Sau đại học	Dược	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Quảng Ngãi	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
11	Nguyễn Thanh Lan		12/04/1981	Chuyên khoa 1	Dược	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
12	Nguyễn Thị Khánh Linh		01/09/1995	Đại học	Dược	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
13	Nguyễn Thị Phù Sa		22/03/1993	Đại học	Dược	Anh - B	B	Không	Không	Bình Định	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
14	Phạm Bình Bảo Ngọc		01/09/1994	Đại học	Dược	Toeic 705	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
15	Phạm Phương Dung		01/08/1994	Đại học	Quản lý và cung ứng thuốc	Toeic 550	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Tiền Giang	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
16	Tô Kiều Thu Trang		21/09/1991	Đại học	Dược	Anh- B1	B	Không	Không	Tây Ninh	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
17	Trần Hoàng	23/02/1995		Đại học	Dược	IELTS 6.5	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt
VII	Vị trí: Kho và cấp phát (Chỉ tiêu: 09)													
1	Bùi Đức Tính	09/10/1986		Cao đẳng	Dược	Anh - A	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	Đạt
2	Đào Anh Thuận	03/06/1993		Cao đẳng	Dược	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	Đạt
3	Đỗ Minh Trí	06/02/1988		Trung cấp	Dược	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	Đạt
4	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh		24/09/1994	Trung cấp	Dược	Toeic 390	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	Đạt
5	Nguyễn Huy Bình	03/09/1984		Trung cấp	Dược	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
6	Nguyễn Thanh Tuyền		04/06/1991	Cao đẳng	Dược	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	Đạt
7	Nguyễn Thị Hoàn Luy		20/04/1997	Cao đẳng	Dược	Anh - C	B	Không	Không	Thừa Thiên Huế	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	Đạt
8	Phạm Thanh Tùng	01/02/1983		Cao đẳng	Dược	Anh - B	B	CC hành nghề	Con thương binh	Nghệ An	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	Đạt
9	Vô Thị Ngọc Hạnh		07/12/1981	Trung học	Dược	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	Đạt
VIII	Kiểm soát nhiễm khuẩn (chỉ tiêu: 03)													
1	Nguyễn Thị Khánh Linh		30/10/1991	Đại học	Y tế công cộng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt
IX	Vị trí: Quản lý chất lượng (chỉ tiêu: 02)													
1	Lê Thị Châu		10/12/1994	Đại học	Y tế công cộng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Hà Tĩnh	Quản lý chất lượng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt
2	Nguyễn Thị Bảo		01/10/1985	Đại học	Y tế công cộng	Anh - B	B	Không	Không	Kon Tum	Quản lý chất lượng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt
3	Phan Khánh Duy	31/10/1996		Đại học	Y tế công cộng	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Tiền Giang	Quản lý chất lượng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt
4	Từ Thị Hường		05/10/1990	Thạc sĩ	Y tế công cộng	Anh - Bậc 5	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Thanh Hóa	Quản lý chất lượng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt
X	Vị trí: Công tác xã hội													
A	Công tác xã hội viên hạng III (Chỉ tiêu: 04)													

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
1	Chu Văn Thành	26/05/1990		Đại học	Công tác xã hội	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Con thương binh	Thanh Hóa	Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	Đạt
2	Nguyễn Thanh Huy	15/10/1995		Đại học	Công tác xã hội	Anh - B1	Ứng dụng CNTT	Toefl IPT 390	Dân tộc Chăm	Bình Thuận	Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	Đạt
3	Nguyễn Thị Cúc		19/09/1990	Đại học	Công tác xã hội	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Hà Tĩnh	Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	Đạt
4	Trần Ngọc Khương	11/06/1989		Đại học	Công tác xã hội	Anh - B	B	Không	Không	Đồng Tháp	Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	Đạt
5	Trịnh Thị Thu Trang		08/03/1995	Đại học	Công tác xã hội	Anh - B1	B	Không	Không	Quảng Trị	Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	Đạt
6	Võ Thị Thanh Quý		20/02/1996	Đại học	Công tác xã hội	Toeic 515	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Quảng Ngãi	Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	Đạt
B	Nhân viên Công tác xã hội hạng IV (Chỉ tiêu: 01)													
1	Nguyễn Thị Hồng Luyện		27/10/1996	Cao đẳng	Công tác xã hội	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Công tác xã hội	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	V.09.04.03	Đạt
XI	Vị trí: Dinh dưỡng lâm sàng (Chỉ tiêu: 01)													

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
1	Phan Thị Kiều Linh		07/09/1992	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm	Anh - C	B	Toeic	Không	TP.HCM	dưỡng lâm	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Đạt
XII	Vị trí: Dinh dưỡng tiết chế (Chỉ tiêu: 01)													
1	Hồ Đỗ Diễm Thi		26/03/1991	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Dinh dưỡng tiết chế	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Đạt
XIII	Vị trí: Nhân viên quản lý chất lượng xét nghiệm (Chỉ tiêu: 02)													
1	Bùi Thị Phương Khánh		07/10/1986	Thạc sĩ	Vi sinh vật học	Anh - B	B	Không	Không	TP.HCM	Nhân viên quản lý chất lượng xét nghiệm	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Đạt
2	Trần Thị Yến Loan		06/03/1986	Đại học	Công nghệ vi sinh	Anh - B	B	Không	Không	TP.HCM	Nhân viên quản lý chất lượng xét nghiệm	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Đạt
XIV	Vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ													
A	Tổ chức nhân sự (Chỉ tiêu: 05)													
1	Đặng Thị Thùy Nhung		14/08/1984	Đại học	Luật dân sự	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	Đạt
2	Huỳnh Thanh Tâm	20/06/1997		Đại học	Quản lý nhà nước	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Bến Tre	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	Đạt
3	Lê Thùy		02/11/1978	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	Đạt

[illegible]

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
1	Bùi Thanh Tuấn	01/01/1977		Đại học	Tin học	Anh - B		CC đầu thầu, kỹ năng quản trị	Không	TP.HCM	Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	Đạt
2	Bùi Thúy Loan		05/12/1994	Đại học	Khoa học Môi trường	Anh - B	Ứng dụng CNTT	Không	Dân tộc Mường	TP.HCM	Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	Đạt
3	Đỗ Trần Thanh	17/04/1988		Đại học	Khoa học Môi trường	Toeic 370	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	Đạt
4	Kiều Ngọc Thanh Huyền		19/10/1993	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Anh - A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	Đạt
5	Nguyễn Hồng Phước	10/09/1989		Đại học	Khoa học Môi trường	Anh -B	B	Văn thư lưu trữ	Không	Long An	Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	Đạt
6	Võ Hoàng Quân	29/06/1990		Đại học	Kỹ thuật công trình	Anh -A2	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Long An	Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	Đạt
B.2	Kỹ thuật viên: 07 chỉ tiêu													
1	Lê Đình Khâm	19/12/1989		Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Anh - B	B	Không	Không	Quảng Ngãi	Quản trị công sở	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Đạt
2	Nguyễn Thái Huy	16/06/1995		Cao đẳng	Điện công nghiệp	Anh - A	A	Không	Không	TP.HCM	Quản trị công sở	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Đạt
3	Phạm Lê Trường An	04/09/1987		Trung cấp	Điện công nghiệp	Anh - A	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Quản trị công sở	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
4	Trương Lê Trường Hải	29/12/1981		Trung cấp	Điện tử	Anh- B	Ứng dụng CNTT	Không	Không	TP.HCM	Quản trị công sở	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Đạt
C	Chuyên viên Tâm lý (Chỉ tiêu: 02)													
1	Hoàng Dương	08/10/1982		Thạc sĩ	Tâm lý	Anh- B1	A	Không	Không	Hà Tĩnh	Chuyên viên Tâm lý	Chuyên viên	01.003	Đạt
2	Lê Công Thành	02/03/1990		Đại học	Tâm lý học giáo dục	Anh - B	B	Giáo dục trẻ khuyết tật	Con thương binh	Thanh Hóa	Chuyên viên Tâm lý	Chuyên viên	01.003	Đạt
3	Trần Hồng Tâm	20/07/1990		Đại học	Tâm lý học	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Chuyên viên Tâm lý	Chuyên viên	01.003	Đạt
4	Trần Ngọc Băng Tâm		13/09/1994	Đại học	Tâm lý	Anh- Bậc 3	Ứng dụng CNTT	Không	Không	Bình Thuận	Chuyên viên Tâm lý	Chuyên viên	01.003	Đạt
D	Kế hoạch tổng hợp													
	Chuyên viên: 02 chỉ tiêu													
1	Đào Thị Diễm Phúc		03/09/1987	Đại học	Hành chính	Anh - B	B	Không	Không	TP.HCM	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đạt
2	Khương Thị Duy Lan		27/11/1988	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Toeic525	B	Không	Không	TP.HCM	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đạt
3	Trương Thị Thanh Thúy		21/12/1985	Đại học	Luật	Anh - B	A	Không	Không	Cần Thơ	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đạt
E	Nhân viên hỗ trợ hành chính													
E.1	Chuyên viên: 03 chỉ tiêu													
1	Huỳnh Thị Minh Tâm		14/11/1986	Đại học	Tâm lý - giáo dục	Anh - B	A	Không	Không	Bến Tre	Nhân viên hỗ trợ hành chính	Chuyên viên	01.003	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Hộ khẩu thường trú	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ								Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng	Ghi chú
2	Phạm Thị Thanh Ngân		25/07/1997	Đại học	Tài chính - ngân hàng	Trung - B	Ứng dụng CNTTNC	Không	Không	Bình Dương	Nhân viên hỗ trợ hành chính	Chuyên viên	01.003	Đạt
3	Trịnh Thị Kiều Phương		31/03/1991	Đại học	Xã hội học	Anh - B	B	Không	Không	TP.HCM	Nhân viên hỗ trợ hành chính	Chuyên viên	01.003	Đạt
E.2	Nhân viên: 01 chỉ tiêu													
	Không có													
F	Công nghệ thông tin:													
F.1	Chuyên viên: 02 chỉ tiêu													
1	Nguyễn Công Thắng	06/09/1985		Đại học	Công nghệ thông tin	Anh - B	Không	Không	Không	TP.HCM	Công nghệ thông tin	Chuyên viên	01.003	Đạt
F.2	Kỹ thuật viên: 05 chỉ tiêu													
1	Phạm Nguyễn Hoàng Danh	12/02/1988		Trung cấp	Tin học	Anh - B		Không	Không	TP.HCM	Công nghệ thông tin	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	Đạt
G	Hành chính tổng hợp (Chỉ tiêu: 01)													
1	Huỳnh Phước Nhân	12/06/1987		Cao đẳng	Quản trị mạng	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Hành chính tổng hợp	Cán sự	01.004	Đạt
H	Kế toán viên (Chỉ tiêu: 03)													
1	Đào Thanh Long	27/04/1978		Đại học	Kế toán	Anh - B	A	Không	Không	TP.HCM	Tài chính kế toán	Kế toán viên	06.031	Đạt
2	Hồ Thị Phương Dung		11/06/1990	Đại học	Kế toán	Anh - B	Ứng dụng CNTTCB	Không	Không	TP.HCM	Tài chính kế toán	Kế toán viên	06.031	Đạt
3	Ngô Huỳnh Ngọc Trân		19/12/1994	Đại học	Kế toán	Anh - B	Ứng dụng CNTTCB	Không	Không	TP.HCM	Tài chính kế toán	Kế toán viên	06.031	Đạt